

Số: 136/2020/QĐST-DS

Chương Mỹ, ngày 26 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 158/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng S).

Trụ sở: Số 266 - 268 N, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc Ngân hàng S.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu H – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đồng Đa – S (theo Giấy ủy quyền số 3993/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019).

Bà Nguyễn Thu H ủy quyền cho bà Lê Thị Bích Ng – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch VQ (theo Giấy ủy quyền số 84/2020/GUQ-CNĐĐ ngày 17/10/2020).

* **Bị đơn:** 1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.

2. Chị Dương Thị Nh, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn N, xã NPT, huyện C, TP Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:

Theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1128500049 ngày 12/10/2011 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 12/10/2011 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn T + chị Dương Thị Nh với Ngân hàng TMCP S: Anh Nguyễn Văn T + chị Dương Thị Nh còn nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến hết ngày 14/11/2020 tổng số tiền là: **491.223.229** đồng (*Trong đó: Nợ gốc: 103.057.288 đồng; nợ lãi trong hạn là: 46.606.881 đồng; lãi quá hạn là: 341.559.060 đồng*).

Anh Nguyễn Văn T + chị Dương Thị Nh phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 15/11/2020 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1128500049 ngày 12/10/2011 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 12/10/2011 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp anh Nguyễn Văn T + chị Dương Thị Nh không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng S, cụ thể là: 01 xe ô tô tải (tự đổ), nhãn hiệu THACO TD600-4WD, lắp ráp tại Việt Nam, màu xanh, mới 100%, biển kiểm soát 29C-077.31, số khung **RNHF600ACBC074189**, số máy **YC4D120-21*D12F9A01808**, đăng ký xe oto số 026749, biển kiểm soát số 29C-077.31 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 12/10/2011 mang tên chủ sử dụng Nguyễn Văn T.

Theo đó: Vợ chồng anh Nguyễn Văn T + chị Dương Thị Nh phải có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng anh Nguyễn Văn T + chị Dương Thị Nh tại Ngân hàng TMCP S. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn Văn T + chị Dương Thị Nh vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S.

2.3. Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn T + chị Dương Thị Nh tự nguyện chịu án phí Dân sự sơ thẩm là **11.824.465** đồng.

+ Ngân hàng TMCP S được hoàn trả số tiền **10.900.000** đồng (*Mười triệu, chín trăm nghìn đồng*) dự phí đã nộp (*theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0010127 ngày 09 tháng 10 năm 2020*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Long